

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN K  
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 08/6/2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con  
khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Thế Anh.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Phong và bà Trần Thị Lệ Dung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K-  
tỉnh Ninh Bình.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia  
phiên tòa:** Ông Ninh Trọng Khánh, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 35/2022/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1994; ĐKKHKT: xóm 3, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Hiện cư trú tại: xóm 2, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình ( có mặt )

- Bị đơn: Anh Ninh Quốc T, sinh năm 1990; ĐKKHKT và trú tại: xóm 3, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt ).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Về phía nguyên đơn chị Phạm Thị N trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:**

Chị và anh Ninh Quốc T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND xã T, huyện K, là quê của chị. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh T ở xóm 3, xã N. Vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn, vì mâu thuẫn nên chị và anh T đã sống ly thân từ đầu năm 2021.

Theo chị N nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, lối sống, anh T có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Mặc dù chị đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh T không thay đổi, không quan tâm, chăm sóc vợ con. Do vậy chị và anh T đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống

Về con chung: Chị N xác định vợ chồng chị có 2 con chung là Ninh Thị Thu H, sinh ngày 08/6/2012 và Ninh Minh H1, sinh ngày 08/12/2015. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị. Nếu anh T mong muốn được nuôi con thì chị yêu cầu mỗi bên nuôi một con, hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con cho nhau.

Về tài sản: Chị N xác định vợ chồng chị không có tài sản chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

**Về phía bị đơn anh Ninh Quốc T trong Đơn trình bày ngày 09/3/2022 biên bản sự việc ngày 21/4/2022 trình bày:**

Về thời gian, điều kiện kết hôn, anh nhất trí như chị N đã trình bày. Vợ chồng anh trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm làm ăn kinh tế. Mặc dù gia đình 2 bên đã khuyên giải, vợ chồng anh đã tự hòa giải nhưng không có kết quả. Do vậy anh và chị N đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý vì tình cảm không còn, không thể về chung sống với nhau được nữa.

Về con chung: Anh T cũng xác định vợ chồng có 2 con chung là Ninh Thị Thu H, sinh ngày 08/6/2012 và Ninh Minh H1, sinh ngày 08/12/2015. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi cháu H, để chị N nuôi cháu H1. Hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con chung cho nhau

Về tài sản chung: Anh T cũng xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Con chung của vợ chồng là Ninh Thị Thi H, sinh ngày 08/6/2012 thuộc trường hợp được Tòa án hỏi ý kiến khi bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với anh T.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn thực hiện tương đối đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14. Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị N và anh Ninh Quốc T; giao chị Phạm Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của vợ chồng là Ninh Minh H1, sinh ngày 08/12/2015. Giao cho anh Ninh Quốc T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Ninh Thị Thu H, sinh ngày 08/6/2012. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Chị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị N khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Ninh Quốc T, cư trú tại xóm 3, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K.

Bị đơn anh Ninh Quốc T đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Ninh Quốc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn. Theo chị N xác định do vợ chồng bất đồng lối sống, quan điểm sống, anh T có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Chị đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh Thái không thay đổi. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ đầu năm 2021

Về phía anh T, anh cho rằng việc vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về làm ăn kinh tế, đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Và anh cũng xác nhận vợ chồng anh đã sống ly thân từ đầu năm 2021, không còn quan tâm đến nhau.

Xác minh tình trạng hôn nhân của chị N và anh T tại UBND xã N là nơi anh chị cư trú; thì chính quyền địa phương xác nhận do mâu thuẫn vợ chồng nên thời gian gần đây chị N, anh T không còn chung sống với nhau nữa, về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn thì địa phương không nắm rõ do anh T và chị N chưa hòa giải tại cơ sở.

Như vậy mặc dù hai bên trình bày nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là khác nhau nhưng cả chị N và anh T đều xác định vợ chồng hiện không còn chung sống, đã ly thân được hơn 1 năm và không thể quay về chung sống với nhau được nữa. Cả hai bên đều không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những phân tích nêu trên đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị N, anh T hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của chị N giải quyết ly hôn anh T là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung : Chị N và anh T đều xác nhận vợ chồng có 2 con chung là Ninh Thị Thu H, sinh ngày 08/6/2012 và Ninh Minh H, sinh ngày 08/12/2015. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu anh T cũng mong muốn được nuôi con thì chị yêu cầu để mỗi bên nuôi một cháu.

Về phía anh T, anh mong muốn được nuôi cháu H, để chị N nuôi cháu H1, 2 bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Thực tế từ khi sống ly thân, cả hai con chung ở với chị N, do chị N nuôi dưỡng. Tuy nhiên anh T, chị N đều không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh về thu nhập của mỗi người. Cháu H có nguyện vọng được ở với anh T khi bố mẹ ly hôn.

Để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt, học của các cháu và tôn trọng nguyện vọng của con chung thì việc giao cháu H cho anh T nuôi dưỡng, giao cháu H1 cho chị N nuôi dưỡng, hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con cho nhau mới là phù hợp

[ 4] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị N và anh Ninh Quốc T đều xác định không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 buộc chị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**1/ Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị N và anh Ninh Quốc T.**

**2/ Về con chung:** giao chị Phạm Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của vợ chồng là Ninh Minh H1, sinh ngày 08/12/2015. Giao cho anh Ninh Quốc T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Ninh Thị Thu H, sinh ngày 08/6/2012. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

**3/ Về án phí:** Chị Phạm Thị N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA4515 ngày 21/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Phạm Thế Anh**